

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG

MÃ NGÀNH: 7720301

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36.7/QĐ-NTT ngày 26 tháng 06 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

1. Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Điều dưỡng
- Tên tiếng Anh: Nursing

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Loại hình đào tạo: Chính quy

4. Khóa học áp dụng: 2020

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Điều Dưỡng

7. Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

8. Đơn vị đào tạo

- + Khoa Điều dưỡng
- + Địa chỉ văn phòng: Lầu 4, 300A Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Tp.HCM
- + Điện thoại liên lạc: 19002039 (Số nội bộ: 327)

9. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Phương thức 1: Xét kết quả Kỳ thi THPT quốc gia là điểm cộng 03 môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ĐH tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với những thí sinh thi tuyển kỳ thi THPT quốc gia năm 2021.

Phương thức 2: Xét điểm trung bình chung của các môn học trong năm học lớp 12 thuộc tổ hợp môn xét tuyển. Ngưỡng điểm tối thiểu xét từ 6.0 trở lên cho các ngành bậc Đại học

Các tổ hợp môn xét tuyển:

- A01: Toán – Vật lý – tiếng Anh
- B00: Toán – Hoá học – Sinh học

10. Thông tin về các chứng nhận kiểm định

- Đạt chứng nhận 4 sao do Tổ chức Xếp hạng QS World University Ranking cấp năm 2019;
- Đạt kiểm định cấp cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục & Đào tạo ngày 3/5/2017 do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (VNU – HCM CEA) cấp;

11. Các năng lực của sinh viên tốt nghiệp

- GA1: Kỹ năng thực hành chăm sóc sức khỏe;
- GA2: Kỹ năng quản lý công tác chăm sóc sức khỏe;
- GA3: Kỹ năng hành nghề theo pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

12. Mục tiêu đào tạo

- PEO1: Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn
- PEO2: Có kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức chuyên môn vững chắc
- PEO3: Có năng lực và kỹ năng thực hành nghề thành thạo theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng
- PEO4: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tổ chức và quản lý các hoạt động điều dưỡng
- PEO5: Có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học vươn lên; có sức khỏe nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

13. Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Điều dưỡng có:

ELO1 (K1): Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề;

ELO2 (K2): Vận dụng được những quy luật cơ bản về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý;

ELO3 (K3): Trình bày lại các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh; lấy bệnh nhân và gia đình người bệnh làm trung tâm;

ELO4 (K4): Vận dụng sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Kỹ năng

ELO5 (S1): Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.

ELO6 (S2): Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau

ELO7 (S3): Sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc tạo sự an toàn khi chăm sóc người bệnh, tiến hành kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình;

ELO8 (S4): Sử dụng nguồn tài nguyên thích hợp, cải tiến chất lượng dựa vào bằng chứng và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc

Thái độ

ELO9 (A1): Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội

ELO10 (A2): Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.

14. Mối liên hệ giữa Năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes -GAs) với Mục tiêu (Programme Educational Objectives – PEOs) và Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes – ELOs)

14.1. Mối liên hệ giữa năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp với mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Năng lực cần đạt của SVTN (GAs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)					Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)									
	PEO1	PEO2	PEO3	PEO4	PEO5	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10
GA1	✓	✓				✓	✓	✓	✓			✓			
GA2				✓	✓					✓	✓		✓		
GA3	✓													✓	✓

14.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (PEOs)	Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)									
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10
PEO1									✓	✓
PEO2	✓	✓	✓	✓			✓			
PEO3	✓	✓	✓	✓			✓			
PEO4					✓	✓		✓		
PEO5					✓	✓		✓		

14.3. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
KỸ NĂNG THỰC HÀNH CHĂM SÓC SỨC KHOẺ	Vật lý đại cương và lý sinh	32 môn lý thuyết	71 tín chỉ	45,8%
	Hoá đại cương			
	Sinh học di truyền			
	Vật lý đại cương và lý sinh			
	Giải phẫu			
	Sinh lý			
	Sinh lý bệnh – miễn dịch			
	Hoá sinh			
	Vi sinh – ký sinh trùng			
	Dược lý điều dưỡng			
	Điều dưỡng cơ bản 1			
	Điều dưỡng cơ bản 2			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2			
	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1			
	Chăm sóc sức khỏe trẻ 1			
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1			

sta

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực			
	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2			
	Chăm sóc sức khỏe tâm thần			
	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 1			
	Dinh dưỡng và tiết chế			
	Sức khỏe và môi trường			
	Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng			
	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng			
	Chăm sóc phục hồi chức năng			
	Kỹ năng giao tiếp			
	Tâm lý y học – Y đức			
	Y học cổ truyền			
	Sức khỏe và môi trường			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1-TH	8 Môn thực hành	16 tín chỉ	10,3%
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2-TH			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1-TH			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2-TH			
	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1-TH			
	Chăm sóc sức khỏe trẻ 1-TH			
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1-TH			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
QUẢN LÝ CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHOẺ	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2-TH			
	Tổ chức y tế và quản lý điều dưỡng	6 môn lý thuyết	16 tín chỉ	10,3%
	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng			
	Dịch tễ			
	Sức khỏe và môi trường			
	Điều dưỡng cơ bản 1			
	Điều dưỡng cơ bản 2			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1-TH	8 môn thực hành	16 tín chỉ	10,3%
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2-TH			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1-TH			
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2-TH			
	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1-TH			
	Chăm sóc sức khỏe trẻ 1-TH			
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm 1-TH			
	Chăm sóc hồi sức cấp cứu 2-TH			
KỸ NĂNG HÀNH NGHỀ THEO PHÁP LUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP	Khởi nghiệp	14 môn lý thuyết	46 tín chỉ	29,7%
	Nhập môn ngành Điều dưỡng			
	Ngoại ngữ cơ bản (6 cấp độ)			
	Tin học MOS 1			
	Tin học MOS 2			

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)/tổng tín chỉ
	Nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng			
	Anh văn chuyên ngành			
	Triết học Mác - Lê nin			
	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin			
	Chủ nghĩa Xã hội khoa học			
	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh			
	Pháp luật đại cương			
	Tâm lý y học – Y đức			

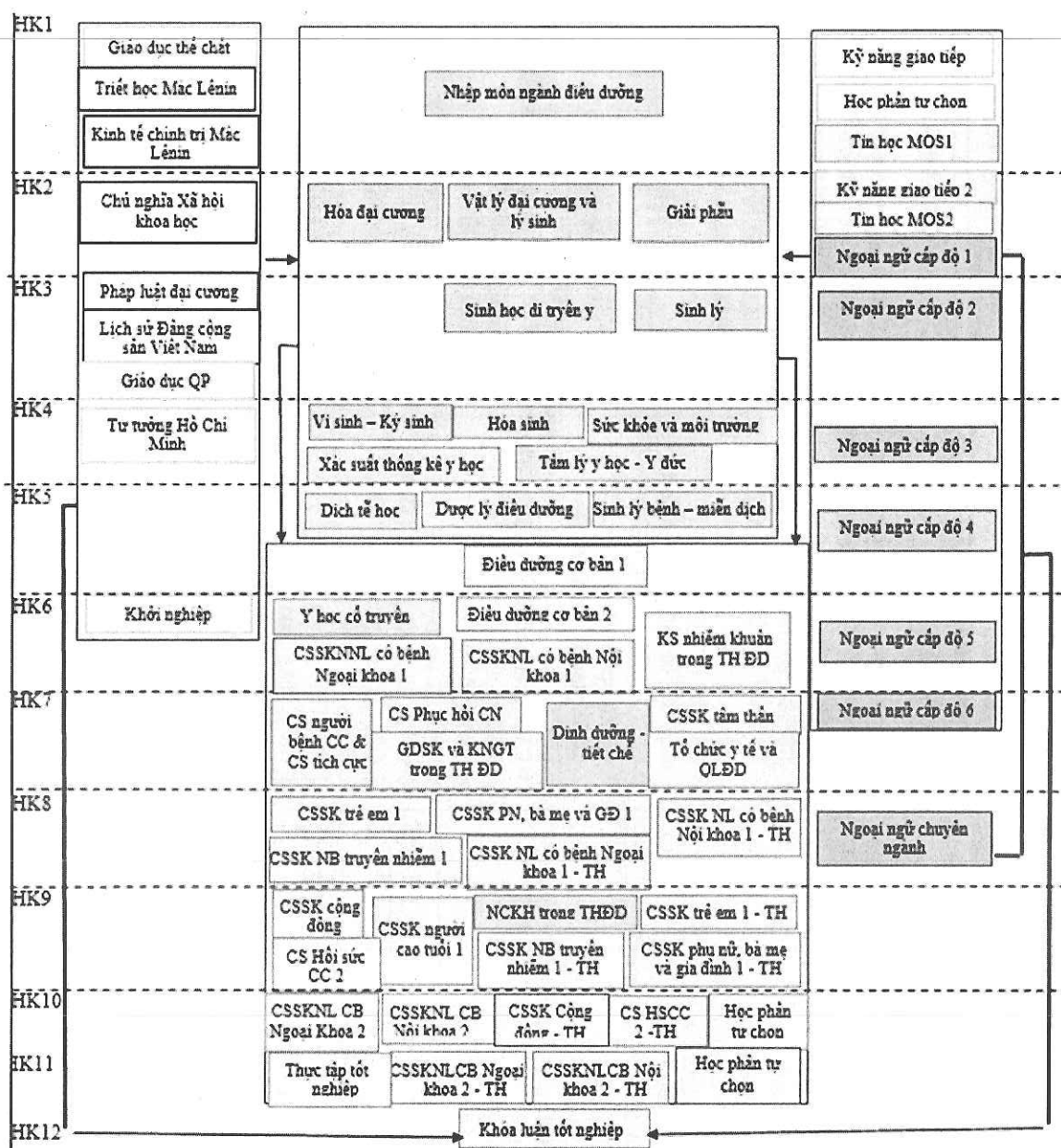
15. Cấu trúc chương trình đào tạo

CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (21TC) CHÍNH TRỊ (11 TC) 1. Triết học Mác-Lenin (3 TC) 2. Kinh tế Chính trị Mác-Lenin (2 TC) 3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học (2 TC) 4. Lịch sử Đảng CSVN (2 TC) 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC) KHOA NGHIỆP (2 TC) 1. Khởi nghiệp (2 TC) PHÁP LUẬT (2 TC) 1. Pháp luật đại cương (2 TC) KHOA HỌC TỰ NHIÊN (4 TC) 1. Hóa đại cương (2 TC) 2. Xác suất thống kê y học (2TC) TỰ CHỌN (2 TC) 1. Tâm lý học đại cương (2TC) 2. Logic học (2TC) 3. Tư duy sáng tạo (2TC)	CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH (30TC) 1. Vật lý đại cương và lý sinh (TC) 2. Sinh học di truyền Y (2TC) 3. Tâm lý y học – y đức (2TC) 4. Nhập môn ngành ĐD (2TC) 5. Giải phẫu (4TC) 6. Sinh lý (2 TC) 7. Sinh lý bệnh – miễn dịch (2TC) 8. Hóa sinh (2TC) 9. Vi sinh – KST (2TC) 10. Dược lý Điều dưỡng (2TC) 11. Dịch tễ học (1TC) 12. Dinh dưỡng và tiết chế (1TC) 13. Y học cổ truyền (2TC) 14. SK và môi trường (2TC) 15. NCKH trong thực hành ĐD (2TC)	CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH (66TC) 1. Anh văn chuyên ngành (3TC) 2. Điều dưỡng cơ bản 1 (5TC) 3. Điều dưỡng cơ bản 2 (5TC) 4. CSSKNL có bệnh Nội khoa 1 (2TC) 5. CSSKNL có bệnh Nội khoa 1 TH (2TC) 6. CSSKNL có bệnh Nội khoa 2 (2TC) 7. CS SKNL có bệnh Nội khoa 2 TH (2TC) 8. CSSKNL có bệnh NK 1 (2TC) 9. CSSKNL có bệnh NK 1 TH (2TC) 10. CSSKNL có bệnh NK 2 (2TC) 11. CS KNL có bệnh NK 2 TH (2TC) 12. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 1 (2TC) 13. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 1 – TH (2TC) 14. CSSK trẻ em 1 (2TC) 15. CSSK trẻ em 1-TH (2TC) 16. CSSK NB truyền nhiễm 1 (2TC) 17. CSSK NB truyền nhiễm 1 – TH (2TC) 18. CSSK cộng đồng (1TC) 19. CSSK cộng đồng TH (2TC) 20. CSNBCC và CS tích cực (2TC) 21. CS hội sức cấp cứu 2 (2TC) 22. CS hội sức cấp cứu 2 – TH (2TC) 23. CSSK người cao tuổi 1 (2TC) 24. CSSK tâm thần (2TC) 25. Phục hồi chức năng (2TC) 26. KSNK trong TH điều dưỡng (1TC) 27. GDSK&KNGT trong TH ĐD (3TC) 28. Tổ chức y tế và QL ĐD (2TC)	ĐIỀU DƯỠNG (155 TC) TỰ CHỌN CHUYÊN NGÀNH (4TC) 1. CSSKNB truyền nhiễm 2 (2TC) 2. CSSKNB truyền nhiễm 2 - TH (2TC) 3. CSSK người cao tuổi 2 (2TC) 4. CSSK người cao tuổi 2 – TH (2TC) 5. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 2 (2TC) 6. CSSK phụ nữ, bà mẹ và GD 2 – TH (2TC) 7. CSSK trẻ em 2 (2TC) 8. CSSK trẻ em 2 – TH (2TC) 9. CSSK người lớn có bệnh da liễu (2TC) 10. CSSK người lớn có bệnh da liễu – TH (2TC) 11. CSSK người lớn bệnh về mắt (2TC) 12. CSSK người lớn bệnh về mắt -TH (2TC) 13. CSSK người lớn bệnh răng hàm mắt (2TC) 14. CSSK người lớn bệnh răng hàm mắt -TH (2TC) 15. CSSK người lớn bệnh về tai mũi họng (2TC) 16. CSSK người lớn bệnh về tai mũi họng -TH (2TC)	TỐT NGHIỆP (12 TC) 1. Thực tập TN (5TC) 2. KLTN hoặc môn thay thế (7TC)
---	--	--	---	--

CÁC MÔN ĐIỀU KIỆN (13TC) 1. Giáo dục thể chất (5TC) 2. Giáo dục quốc phòng (8TC)

BỒ TRỢ ĐẠI CƯƠNG (26 TC) NGOẠI NGỮ (18TC) 1. Tiếng Anh TQ 1 (3 TC) 2. Tiếng Anh TQ 2 (3 TC) 3. Tiếng Anh GTQT 1 (3 TC) 4. Tiếng Anh GTQT 2 (3 TC) 5. Tiếng Anh GTQT 3 (3TC) 6. Tiếng Anh GTQT 4 (3TC) CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4 TC) 1. Tin học MOS 1 (2TC) 2. Tin học MOS 2 (2TC) PHƯƠNG PHÁP - KỸ NĂNG (4 TC) 1. Kỹ năng giao tiếp 1 (2 TC) 2. Kỹ năng giao tiếp HP 2 (2TC)
--

16. Sơ đồ hóa Kế hoạch đào tạo



17. Đối sánh chương trình đào tạo

17.1. Đối sánh Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh	Nhận xét	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Nhận xét
1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề;	Vận dụng các khái niệm cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của ĐCSVN trong công tác chăm sóc sức khỏe	90%	Người điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng	90%
2	Vận dụng được những quy luật cơ bản về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý;	Giải thích được cấu trúc, chức năng và sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần con người qua các giai đoạn phát triển trong mối tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội Giải thích được mối tương quan giữa cấu trúc và chức năng của cơ thể, giữa các hệ thống cơ quan trong điều kiện bình thường và bệnh lý, cơ chế các triệu chứng, các yếu tố tiên lượng của các bất thường và bệnh lý các lứa tuổi	99%	Người điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng	90%
3	Trình bày lại các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh;	Áp dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc can thiệp điều dưỡng an toàn liên tục cho cá	95%	các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc; lấy người bệnh và gia đình làm trung tâm	99%

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh	Nhận xét	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Nhận xét
	lấy bệnh nhân và gia đình người bệnh làm trung tâm;	nhân, gia đình, cộng đồng qua các giai đoạn phát triển cuộc sống khi khỏe mạnh, có bệnh cấp tính và mạn tính			
4	Vận dụng sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	Thực hiện truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng phù hợp	95%	có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. ^{[1][2][3][4][5]}	99%
5	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.	Nhận định đúng, kịp thời và thực hiện sơ cấp cứu hiệu quả khi có tình huống khẩn, cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng	95%	- Tham gia công tác quản lý ngành, thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng, tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng, nhân viên y tế	90%
6	Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau	Giao tiếp, phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình, và cộng đồng	99%	- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng. - Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch. - Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để	90%

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh	Nhận xét	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Nhận xét
7	Sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc tạo sự an toàn khi chăm sóc người bệnh, tiến hành kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng đúng quy trình phù hợp với vai trò chức năng người điều dưỡng; đảm bảo liên tục, an toàn, hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh	99%	chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh. - Thực hiện đầy đủ và thành thạo, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh. - Thực hành đảm bảo an toàn, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục. Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ. - Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.	95%
8	Sử dụng nguồn tài nguyên thích hợp, cải tiến chất lượng dựa vào bằng chứng và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc	Xác định các nguyên tắc cơ bản và tham gia quản lý công tác chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác phù hợp với chức năng điều dưỡng Tham gia nghiên cứu khoa học và áp dụng cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh	95%	- Thực hành chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh. Có đủ khả năng cung cấp và hợp tác trong chăm sóc, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Thực hiện các mối quan hệ hợp tác với nhóm chăm sóc sức khỏe.	90%
9	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội	Tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy tắc an	99%	Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách của	99%

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh	Nhận xét	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Nhận xét
		toàn trong môi trường lao động, chuẩn đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng trong thực hành chăm sóc		nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân. - Trung thực, khách quan, thận trọng, ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp.	
10	Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	Sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, đọc, hiểu được chuyên môn phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học và chăm sóc người bệnh Có kỹ năng rèn luyện sức khỏe và phòng vệ căn bản để học tập và làm việc bảo vệ Tổ quốc.	95%	Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời.	95%

17.2. Đối sánh chương trình đào tạo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y dược TPHCM	CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	155 tín chỉ (Không tính GDTC và GDQP)	143 tín chỉ	141 tín chỉ	Tổng tín chỉ trong CTĐT của trường ĐH NTT cao hơn; Phân bổ tín chỉ của CTĐT giữa có sự tương đồng
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				
- Học phần đại cương	24 môn/47 tín chỉ	11/26 tín chỉ	18/42 tín chỉ	
- Học phần cơ sở ngành	15 môn/30 tín chỉ	11/24 tín chỉ	13/31 tín chỉ	
- Học phần chuyên ngành	36 môn/66 tín chỉ	26/69 tín chỉ	24/64 tín chỉ	
- Học phần tốt nghiệp	2 môn/12 tín chỉ	4/12 tín chỉ	1/4 tín chỉ	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	Không	Không	Không	
Phương pháp giảng dạy/học tập	Lý thuyết, thực hành, thực tập tại bệnh viện	Lý thuyết, thực hành, thực tập tại bệnh viện	Lý thuyết, thực hành, thực tập tại bệnh viện	
Học phí	Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh	Tùy vào chính sách của từng trường
Các đối sánh khác (nếu có)	Không đối sánh	Không đối sánh	Không đối sánh	

18. Tầm nhìn và sứ mạng

Tầm nhìn và sứ mạng của Trường:

Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trở thành Đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu trong và ngoài nước, đáp ứng cách mạng công nghiệp 4.0, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

Sứ mạng: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cung cấp nguồn nhân lực có năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hội nhập, có sức cạnh tranh cao trong thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

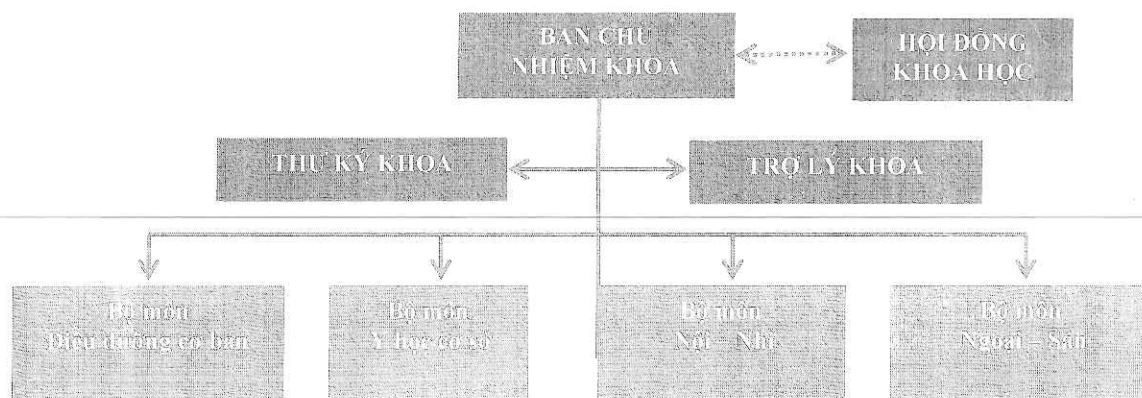
Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa:

Tầm nhìn: Phấn đấu đến năm 2022 đào tạo sinh viên điều dưỡng có kiến thức, kỹ năng, thái độ thực hành chăm sóc hướng đến chăm sóc sức khỏe người dân theo tiêu chuẩn năng lực đạt chuẩn quốc gia, và khu vực cộng đồng Asian. Đào tạo cán bộ y tế có năng lực học tập vươn lên, tận tụy với nhiệm vụ, đáp ứng tốt nhất nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân mọi lúc, mọi nơi, tạo ra môi trường sáng tạo và đổi mới, mang đến cho sinh viên sự trưởng thành về nhân cách và năng lực để có thể đối đầu với mọi thách thức, thích ứng với mọi thay đổi, có thái độ ứng xử đúng đắn và trách nhiệm với xã hội

Sứ mạng:

- Cam kết đào tạo nguồn nhân lực điều dưỡng đạt chuẩn quốc gia, có uy tín trong nước và khu vực.
- Tạo lập môi trường học tập tích cực và trải nghiệm thực tiễn với phương châm học đi đôi với hành, lấy sinh viên làm trung tâm

19. Sơ đồ tổ chức Khoa



Ghi chú: <-.-> Mối quan hệ hỗ trợ
→ Mối quan hệ quản lý

20. Thông tin liên hệ

Khoa Điều dưỡng – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

- Lầu 5 tòa nhà, 300A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM
- Điện thoại: (028) 62619445
- Fax: (08) 39404759
- Website: dd.ntt.edu.vn

21. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp theo (dự kiến)
2023 MC.



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

A blue ink signature, likely of the Dean, written over a horizontal line.

TS.ĐD. Trần Thị Châu



